

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐA-SYT

Bình Định, ngày 10 tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và
tương đương lên hạng III và tương đương ngành Y tế
tỉnh Bình Định năm 2025**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
- Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị định số 115/2020/NĐ-CP); Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được (Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV);
- Thông tư 25/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức (Thông tư số 07/2019/TT-BNV); Thông tư 2/2023/TT-BNV ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ;
- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ

quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (Thông tư số 02/2021/TT-BNV); Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (Thông tư số 06/2022/TT-BNV);

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế về sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế (Thông tư số 03/2022/TT-BYT); Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư số 03/2022/TT-BYT;

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ (Thông tư số 29/2022/TT-BTC); Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, thi hoặc xét thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ (Thông tư số 07/2022/TT-BNV);

- Thông tư số 26/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội (Thông tư số 26/2022/TT-BLĐTBXH);

- Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

(Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN);

- Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y (Thông tư số 02/2025/TT-BYT);

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức (Thông tư số 001/2025/TT-BNV);

- Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0); Quyết định số 3936/QĐ-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2029; Quyết định số 85/QĐ-BYT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2021;

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 75/2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định bãi bỏ điểm e khoản 2 Điều 7 quy định kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 3848/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực An toàn lao động, Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quyết định số 4266/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế;

- Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Định;

- Thông báo số 297/TB-QLCL ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ;

- Công văn số 2141/BYT-TCCB ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Công văn số 2740/BYT-TCCB ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc xét

chuyên chức danh nghề nghiệp viên chức y tế;

- Công văn số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của liên Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 4060/UBND-NC ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học;

- Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế;

- Hướng dẫn số 700/HD-SNV ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Sở Nội vụ về một số vấn đề cụ thể thực hiện Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 1943/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân ngày 07 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của sở, ngành, địa phương năm 2025;

- Công văn số 1955/STC-VP của Sở Tài chính ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc y kiến góp ý dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Công văn số 1590/SNV-TCCVC của Sở Nội vụ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc phúc đáp công văn số 2205/SYT-TCCB ngày 23/5/2025 của Sở Y tế; Công văn số 01633/SNV-TCCVC của Sở Nội vụ ngày 08 tháng 6 năm 2025 về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của sở, ngành, địa phương năm 2025

- Các văn bản có liên quan: Quyết định số 2292/QĐ-SYT ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế về việc phân bổ giường bệnh kế hoạch năm 2025 của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh quản lý; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2025; Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2025;

- Các văn bản khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Sở Y tế hiện có 12 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, trong đó:

- 06 Bệnh viện gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; số giường bệnh kế hoạch là

2.720 giường.

- 06 Trung tâm gồm: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Pháp y, Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội, Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 17, Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP về phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Y tế chỉ thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho 09 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (*trừ 03 đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Mắt*).

Căn cứ các quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức cán bộ, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng các đề án vị trí việc làm sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ và cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo của viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân công công việc và quản lý viên chức theo vị trí việc làm được thực hiện đúng quy định.

Việc xây dựng Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2025 nhằm bảo đảm thực hiện kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức ngành Y tế; đồng thời động viên, khuyến khích viên chức ngành Y tế học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác và bố trí vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm, trình độ, năng lực của viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Lựa chọn, phân công những viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ chuyên môn, năng lực phù hợp với vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp.

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức ngành Y tế.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

- Đảm bảo đúng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Viên chức phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng;
- Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

III. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC VÀ NHU CẦU XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Thực trạng số lượng viên chức

- Số người làm việc hiện có mặt của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế (trừ 03 đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chỉ thường xuyên: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bông Sơn, Bệnh viện Mắt) tính đến ngày 30/04/2025 là **601** viên chức (*có Phụ lục 1 chi tiết kèm theo*).

- Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 2141/BYT-TCCB ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế và Công văn số 2740/BYT-TCCB ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức y tế: thống nhất trường hợp viên chức ngành y tế hiện giữ chức danh Y sĩ hạng IV, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện và được bố trí làm việc ở vị trí việc làm của chức danh viên chức chuyên ngành y tế hạng III (Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y tế công cộng hạng III) thì được **xét chuyển vào chức danh nghề nghiệp tương ứng** với vị trí việc làm mới theo quy định của Luật Viên chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP). Vì vậy, chức danh Y sĩ hạng IV không thuộc đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y tế công cộng hạng III trong Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức này.

- Số người làm việc phân bổ theo chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế (*không bao gồm Y sĩ, Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng và Y tế công cộng hạng III*) như sau:

Bảng 1: Thực trạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Tổng số người làm việc hiện có mặt	Hạng chức danh nghề nghiệp				Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
1	Dược sĩ	53		3	28	22	
2	Điều dưỡng	177			80	97	
3	Hộ sinh	10			7	3	

4	Kỹ thuật y	81		1	52	28	
5	Kỹ thuật viên	1				1	
6	Kế toán viên	36			31	5	
7	Cán sự	2				2	
8	Lưu trữ viên	5			4	1	
9	Công tác xã hội	28			15	13	
10	Y sĩ	11				11	
Tổng		404		4	217	183	

(có Phụ lục 1 chi tiết kèm theo)

2. Nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Có 09/12 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế (trừ 03 đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Mắt) đã đăng ký chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương năm 2025 với số lượng là **54** viên chức.

Bảng 2: Nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế

STT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng	Số lượng	Ghi chú
1	Dược sĩ	Dược hạng IV	Dược sĩ (hạng III)	4	
2	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng III	28	
3	Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh hạng III	1	
4	Y sĩ	Y sĩ hạng IV	Hộ sinh hạng III	1	
5	Kỹ thuật y	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	3	
6	Kế toán viên	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	Kế toán viên (hạng III)	4	
7	Cán sự	Cán sự	Chuyên viên	2	
8	Lưu trữ viên	Lưu trữ viên trung cấp	Chuyên viên	1	

9	Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội	Công tác xã hội viên	10	
Tổng				54	

(có Phụ lục 1 chi tiết kèm theo)

3. Danh sách viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương: 54 viên chức (có Phụ lục 2 chi tiết kèm theo).

IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Định, bao gồm: điều dưỡng, dược, hộ sinh, kỹ thuật y, kỹ thuật viên, kế toán viên, cán sự, lưu trữ viên, công tác xã hội.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế nơi viên chức đang công tác có nhu cầu, có vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương đăng ký xét thăng hạng;

b) Viên chức được cơ quan, đơn vị nơi viên chức đang công tác cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương;

c) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

d) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

đ) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (có trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng) theo quy định tại các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh

nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định này thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét. Cụ thể:

- Về văn bằng, chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương phải đảm bảo phù hợp với quy định tại các Thông tư liên tịch hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Thông tư số 03/2022/TT-BYT như sau:

+ Thăng hạng lên Dược sĩ hạng III (*mã số V.08.08.22*): Theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV và khoản 5, khoản 6 của Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BYT;

+ Thăng hạng lên Điều dưỡng hạng III (*mã số V.08.05.12*), Hộ sinh hạng III (*mã số V.08.06.15*), Kỹ thuật y hạng III (*mã số V.08.07.18*): Theo Điều 6, Điều 9, Điều 13 Thông tư số 02/2025/TT-BYT;

+ Thăng hạng lên Kỹ thuật viên hạng III (*mã số V.05.02.08*): Theo Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN;

+ Thăng hạng lên Dân số viên hạng III (*mã số V.08.10.28*): Theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV và khoản 3, khoản 4 của Điều 6 Thông tư số 03/2022/TT-BYT;

+ Thăng hạng lên Kế toán viên (*mã số 06.031*): Theo Điều 7, Thông tư số 29/2022/TT-BTC;

+ Thăng hạng lên Kế toán viên (hạng III) (*mã số V.06.031*): Theo Điều 5, Thông tư số 66/2024/TT-BTC;

+ Thăng hạng lên Chuyên viên (*mã số 01.003*): Theo Điều 7, Thông tư 02/2021/TT-BNV và khoản 5, khoản 6 của Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV;

+ Thăng hạng lên Lưu trữ viên (*mã số V.01.02.02*): Theo Điều 7, Thông tư 07/2022/TT-BNV;

+ Thăng hạng lên Công tác xã hội viên (*mã số V.09.04.02*): Theo Điều 5, Thông tư số 26/2022/TT-BLĐTBXH;

- Về ngoại ngữ và tin học: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm. Việc xác định kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, ngoại ngữ được thực hiện thông qua các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm (*theo khoản 3 tại Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15/9/2022 của Bộ Y tế*), cụ thể:

+ Về tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, hoặc có chứng chỉ tin học A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm.

+ Về ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên (*theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT*), hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B trở lên, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A2, B1, ... (CEFR) có giá trị sử dụng tương đương bậc 2, bậc 3, ... của Khung 6 bậc. Đối với ngoại ngữ tiếng Anh trình độ IELTS, TOEFL, TOEIC và các ngoại ngữ tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc thực hiện theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ A2, B1, . khung Châu Âu.

e) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề. Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ. Cụ thể:

- Thăng hạng lên Dược sĩ (hạng III) (*mã số V.08.08.22*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Dược sĩ hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Dược hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thăng hạng lên Điều dưỡng hạng III (*mã số V.08.05.12*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Điều dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thăng hạng lên Hộ sinh hạng III (*mã số V.08.06.15*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ

chức danh Hộ sinh hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thăng hạng lên Kỹ thuật y hạng III (*mã số V.08.07.18*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Kỹ thuật y hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thăng hạng lên Kỹ thuật viên hạng III (*mã số V.05.02.08*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Thăng hạng lên Dân số viên hạng III (*mã số V.08.10.28*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dân số viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Thăng hạng lên Kế toán viên (*mã số 06.031*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp lên chức danh Kế toán viên phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ ngạch kế toán viên trung cấp tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

+ Thăng hạng lên Kế toán viên (hạng III) (*mã số V.06.031*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (hạng IV) lên chức danh Kế toán viên (hạng III) có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Thăng hạng lên Chuyên viên (*mã số 01.003*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Cán sự lên chức danh Chuyên viên phải có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn

nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

+ Thăng hạng lên Lưu trữ viên (*mã số V.01.02.02*): Không yêu cầu yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

+ Thăng hạng lên Công tác xã hội viên (*mã số V.09.04.02*): Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Nhân viên công tác xã hội lên chức danh Công tác xã hội viên phải có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp nhân viên công tác xã hội hoặc tương đương từ đủ 02 (hai) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có tối thiểu 01 năm (12 tháng) đang giữ chức danh nhân viên công tác xã hội tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP và khoản 18, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của đơn vị;

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm/kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp người đăng ký dự xét thăng hạng có văn bằng,

chứng chỉ nước ngoài thì yêu cầu phải dịch thuật qua Tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ; Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định/Thông báo tuyển dụng; các Quyết định bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/xếp hạng chức danh nghề nghiệp, nâng lương gần nhất được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực;

- Giấy chứng nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (nếu có) và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực;

- Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 11 Thông tư số 07/2019/TT-BNV.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

VI. PHƯƠNG THỨC, NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ TRÌNH TỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Phương thức

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương thông qua nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 19, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2. Nội dung, hình thức

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Sở Y tế;

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của chức danh được đề nghị xét thăng hạng.

- Hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương bao gồm việc thẩm định hồ sơ xét theo quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được quy định tại khoản 19, Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP và tại Đề án này.

- Nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương bao gồm:

+ Thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của Sở Y tế xem xét, thẩm định hồ sơ, đề nghị Giám đốc Sở quyết định công nhận kết quả, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

3. Trình tự

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Thông tư số 001/2025/TT-BNV và các văn bản có liên quan.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, được Giám đốc Sở Y tế công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì Giám đốc Sở quyết định người trúng tuyển theo quy định.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian tiếp nhận Hồ sơ

Thời gian tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương sẽ được cụ thể chi tiết trong Kế hoạch tổ chức và thực hiện Đề án này, dự kiến thực

hiện trong tháng 6 năm 2025 (*thời gian cụ thể sẽ thông báo sau*).

2. Địa điểm tiếp nhận Hồ sơ

Trụ sở làm việc Sở Y tế tỉnh Bình Định (*Số 756 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn*).

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức và phí xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định và các văn bản có liên quan.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương

Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung thông tin hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của cá nhân. Trường hợp khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả xét thăng hạng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương (được gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm 05 hoặc 07 thành viên (*khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đã biểu quyết. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 38, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và tại Điều 4 Chương I của Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

Hội đồng được sử dụng tài khoản, con dấu của Sở Y tế trong quá trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Y tế theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Giám đốc Sở Y tế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thành lập Ban giám sát, gồm: Trưởng ban giám sát, Phó Trưởng ban giám sát, thành viên ban giám sát và thành viên kiêm Thư ký ban giám sát. Trường hợp Giám đốc Sở Y tế là Chủ tịch Hội đồng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định thành lập Ban giám sát.

Ban giám sát thực hiện việc giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế

Thông báo công khai đến viên chức, đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) về các văn bản và đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2025.

Cử viên chức đúng tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương theo quy định và chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất, văn bằng, chứng chỉ và các tiêu chuẩn khác của viên chức cử dự xét thăng hạng.

Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của các đơn vị phải kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét (*Mẫu số 06 ban hành kèm Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng